

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2021

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: số 193, đường Điện Biên Ph, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Danh L**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 9, đường Hồ Thị Ngh, khu phố Vĩnh V, phường VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Danh L tự quen nhau, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/8/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, anh L thường xuyên đi chơi qua đêm, có khi đi đến 01 tháng mới về nhà, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi. Chị đã cố gắng hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 12/2019, chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ số 193, đường Điện Biên Ph, phường VQ, thành phố RG, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 06/01/2017. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con tên M đến khi thành niên, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản xác minh lập ngày 17/9/2020, chị Lê Thị Đ cung cấp nội dung sự việc như sau: Chị là chị ruột của chị Lê Thị H, trước khi chị H lập gia đình vào năm 2016 thì chị H có sống chung nhà với chị và cha mẹ ruột. Đến khi lập gia đình thì chị H cũng thường về nhà chơi, nhưng đến tháng 12/2019 thì vợ chồng chị H xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau nên chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ số 193, đường Điện Biên Ph, phường VQ, thành phố RG cho đến nay. Sau đó thì anh L có qua nhà 02, 03 lần để tìm kiếm chị H và yêu cầu giao con nhưng chị H không đồng ý nên hai bên xảy ra cự cãi. Ngoài ra chị còn thấy anh L đi chơi với mấy người bạn gái, không chăm lo cho vợ con, gia đình chị có mời gia đình anh L qua nói chuyện, lúc đó gia đình anh L trả lời nếu H và L không hợp thì làm đơn ly hôn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng các Điều 9, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – anh Nguyễn Danh L nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Nguyễn Danh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Lê Thị H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Danh L.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị H và anh L tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/8/2019; như vậy, việc kết hôn của chị H và anh L đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, anh L thường xuyên đi chơi qua đêm, có khi đi đến 01 tháng mới về nhà, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn trên cũng phù hợp với nội dung sự việc được xác minh đối với chị Lê Thị Đ. Căn cứ theo quy định tại Điều 91,

khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – chị H đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – anh L không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Chị H yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 06/01/2017 đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – Chị Lê Thị H.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Lê Thị H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004323, ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Lê Thị H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Danh L.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 06/01/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Lê Thị H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004323, ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị H không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND P. VH, TP. RG, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân